

Bản án số: 29/2024/HS-ST
Ngày 12-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mã Thị Hiền

Ông Nguyễn Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Nông Văn C, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 27 tháng 3 năm 1998, tại xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nông Văn D, sinh năm 1959 (đã chết) và bà Lương Thị K, sinh năm 1959; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản số 13/2015/HSST, ngày 07/3/2015 Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giữ, giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 18/7/2024 đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị T - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L, có mặt.

2. Bị cáo: Trần Văn K1, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 25 tháng 6 năm 1991, tại phường C, C, Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ B, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn B, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1963; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án; bị cáo có 02 tiền án. Đối với Trần Văn K1 tại Bản số 159/2019/HSST, ngày 12/11/2019 Tòa án nhân dân thành phố

Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; tại Bản số 132/2021/HSST, ngày 28/9/2021 Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 27 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy đã xác định bị cáo Trần Văn K1 tái phạm; nhân thân: tại quyết xử phạt vi phạm hành chính số 38/QĐ-XPVPHC ngày 02/12/2015 bị Công an thành phố C, tỉnh Quảng xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi cất giấu trong người, phương tiện giao thông các loại công cụ, phương tiện dùng trong sinh hoạt nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích, đã chấp hành xong; tại Bản số 62/2009/HSST, ngày 08/4/2009 Tòa án nhân dân thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cường đoạt tài sản đã chấp hành xong các quyết định của B1; bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 24/7/2024 đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Choóng Thị L, sinh năm 1983; nơi thường trú: Thôn K, xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1991; nơi thường trú: Số G CT1, N, tái định cư G, quận L, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 11/7/2024, Trần Văn K1 gọi điện thoại rủ Nông Văn C đi ăn sáng tại phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình ăn sáng Nông Văn C rủ Trần Văn K1 đi sang khu vực tỉnh Lạng Sơn trộm cắp xe máy để bán lấy tiền tiêu sài, Trần Văn K1 đồng ý. Sau đó Trần Văn K1 dùng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, không rõ biển kiểm soát, là xe Trần Văn K1 mượn của người đàn ông tên Đ làm cùng Công ty G (thuộc Tổng Công ty Đ1 có trụ sở tại phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh) chở Nông Văn C về phòng ở tại ký túc xá Công ty G lấy bộ đồ phá khóa xe mô tô (thường gọi là Vam phá khóa). Trần Văn K1 chở Nông Văn C đi theo Quốc lộ A đến huyện T, tỉnh Quảng Ninh rồi đi về phía tỉnh Lạng Sơn theo đường Quốc lộ 4B. Trên đường đi cả hai bàn nhau nếu thấy xe mô tô trên đường sơ hở thì Nông Văn C sẽ phá khóa xe, mỗi người sẽ điều khiển một xe mô tô mang về phường C, thành phố C và Trần Văn K1 là người tìm người mua để bán, số tiền có được sẽ chia đôi.

Khoảng 15 giờ cùng ngày khi Trần Văn K1 đang điều khiển xe mô tô chở Nông Văn C đi qua thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn khoảng 04km, Nông Văn C và Trần Văn K1 phát hiện phía bên trái đường theo hướng Quảng Ninh - Lạng Sơn không xác định được vị trí cụ thể có 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave α, màu đen bạc, đã cũ BKS 17F7-9813 đang dừng cạnh đường, quan sát xung quanh không có người quản lý nên Trần Văn K1 dừng lại và quay xe, Nông Văn C xuống xe đi đến thì thấy xe mô tô vẫn cắm chìa khóa trong ổ khóa nên Nông Văn C mở khóa và nổ máy điều khiển xe đi về theo hướng Quảng Ninh, còn

Trần Văn K1 điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius đi phía sau. Khi đến K+200 Quốc lộ D thuộc địa phận thôn K, xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, Nông Văn C thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, BKS 12Z1-094.49 của chị Choóng Thị L đang đỗ bên trái đường theo hướng Lạng Sơn – Quảng Ninh mới hơn chiếc xe mô tô vừa trộm được nên đã gọi Trần Văn K1 dừng lại bàn nhau để lại chiếc xe mô tô Wave α màu đen bạc vừa trộm được và trộm chiếc xe mô tô Honda Wave mới trên. Bàn bạc xong, Nông Văn C để lại chiếc xe mô tô đang điều khiển sát lề đường bên phải đường Quốc lộ 4B theo hướng Lạng Sơn – Quảng Ninh cách vị trí chiếc xe Honda Wave BKS 12Z1-094.49 khoảng 200m, rồi rút chìa khóa xe đưa cho Trần Văn K1 sau đó ngồi phía sau xe Trần Văn K1 đi đến vị trí xe mô tô Honda Wave BKS 12Z1-094.49. Khi đến sát vị trí chiếc xe, Nông Văn C xuống xe dùng bộ vạm phá ổ khóa xe, còn Trần Văn K1 điều khiển xe mô tô quay lại về phía Quảng Ninh cách khoảng 100m để canh giới. Sau khi phá khóa xong Nông Văn C và Trần Văn K1 mỗi người điều khiển một xe mô tô cùng nhau đi về phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình đi trên đường K đã để rơi chiếc chìa khóa xe Wave α BKS 17F7-9813 mà Nông Văn C đưa cho. Đến khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, khi về đến địa phận phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, Nông Văn C và Trần Văn K1 ăn tối uống bia tại quán bia ở bên trái đường gần ngã tư đường R đi thị trấn V ở phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, Trần Văn K1 đăng giao bán chiếc xe mô tô vừa trộm được lên mạng xã hội Facebook tại Nhóm Cầm Phả 24h, sau đó có một người thanh niên tên D1 không rõ lai lịch, không quen biết liên lạc với Trần Văn K1 đến quán bia để xem và mua xe mô tô với giá 4.500.000 đồng, Nông Văn C và Trần Văn K1 đồng ý, D1 trả tiền mặt cho Trần Văn K1. Số tiền bán xe mô tô trộm cắp được cả hai dùng để trả tiền ăn, tiền hát Karaoke, còn lại khoảng hơn 200.000 đồng, Trần Văn K1 và Nông Văn C chia đôi rồi tiêu sài cá nhân hết. Sau đó Nông Văn C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius chở Trần Văn K1 về nhà, sau đó Nông Văn C đến Công ty G trả xe cho Đ và vứt bộ V phá khóa xe xuống ao của Công ty G.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 27/KL-HĐĐGTS, ngày 19/07/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ tỉnh Lạng Sơn kết luận:

+ Xe máy HONDA WAVE, màu đen mang biển kiểm soát 12Z1-094.49, số khung: RLHJA392XNY723564, số máy JA39E2905540, đã qua sử dụng, có giá trị là: 15.133.000 đồng (mười năm triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng).

+ Xe máy WAVE alpha, màu đen, bạc mang biển kiểm soát 17F7-9813, số khung: RLHHC1201BY594387, số máy HC12-E3394471, có giá trị là: 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị: 18.733.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 đã thành khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Về dân sự: Bị hại Choóng Thị L chủ sở hữu xe Honda Wave, màu đen mang biển kiểm soát 12Z1-094.49 có yêu cầu bồi thường số tiền 15.133.000 đồng theo như kết định giá tài sản, các bị cáo chưa bồi thường.

Đối với chủ chiếc xe Wave α , màu đen bạc mang biển kiểm soát 17F7-9813, số khung RLHHC1201BY594387, số máy HC12-E3394471, sau khi tra cứu kết quả: chiếc xe mô tô có số khung, số máy và đặc điểm trùng với chiếc xe mô tô của chị Phạm Thị H, sinh năm 1991, hiện trú tại: G C, N, tái định cư G, L, Hà Nội. Chị Phạm Thị H cho biết mua chiếc xe mô tô này vào năm 2013 tại huyện V, tỉnh Quảng Ninh và bị mất vào năm 2017 tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh nhưng không trình báo, hiện nay không có nguyện vọng lấy lại tài sản và không đề nghị gì. Còn biển số xe 17F7-9813 là biển kiểm soát của chiếc xe mô tô của FUTUR màu xanh của ông Phạm Minh C2, sinh năm 1950, trú tại: thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Ông Phạm Minh C2 đã bán chiếc xe mô tô cùng với biển kiểm soát này vào khoảng năm 2010 cho một người không nhớ tên, tuổi, địa chỉ nên không xác định được chủ sở hữu.

Tại Bản Cáo trạng số 25/CT-VKS-ĐL ngày 12/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nông Văn C về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Trần Văn K1 về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại Choóng Thị L.

Bị hại bà Choóng Thị L yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 15.133.000 đồng theo như kết luận định giá tài sản và yêu cầu bồi thường chiếc mũ bảo hiểm để trên xe số tiền là 250.000 đồng, tổng cộng yêu cầu các bị cáo bồi thường 15.383.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án xem xét xử lý các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 theo quy định của pháp luật.

Bị hại chị Phạm Thị H không có nguyện vọng lấy lại tài sản và không đề nghị gì nên không xem xét trong vụ án, nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các Điều 38, 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17, Điều 58 và khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn C; Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các Điều 38, 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17, Điều 58; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Văn C từ 12 đến 16 tháng tù; xử phạt bị cáo Trần Văn K1 30 đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung, vì qua xác minh các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 không có tài sản riêng, không có công việc và

thu nhập ổn định. Về trách nhiệm dân sự căn cứ vào các Điều 170, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; công nhận sự thỏa thuận các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 liên đới bồi thường cho bị hại Choóng Thị L tổng số tiền 15.383.000 đồng, trong đó phần của mỗi bị cáo là 7.691.500 đồng. Không xem xét giải quyết bồi thường thiệt hại cho bị hại Phạm Thị H do không có nguyện vọng lấy lại tài sản và không yêu cầu bồi thường, khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Đối với biển số xe 17F7-9813 là biển kiểm soát của chiếc xe mô tô FUTURE màu xanh của ông Phạm Minh C2 đã bán chiếc xe mô tô cùng với biển kiểm soát này vào khoảng năm 2010 cho một người không nhớ tên, tuổi, địa chỉ, không xác định được chủ sở hữu nên đã được tách ra để truy tìm chủ sở hữu. Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) Xe máy WAVE α , màu đen, bạc số khung: RLHHC1201BY594387, số máy HC12-E3394471, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A17k, màu xám, số IMEI 1: 865947066008570, số IMEI 2: 865947066008562, điện thoại cũ đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Nông Văn C 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, màu xanh, cũ đã qua sử dụng. Về án phí bị cáo Nông Văn C là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc diện hộ cận nghèo, tại phiên tòa bị cáo có đơn đề nghị miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định; bị cáo Trần Văn K1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 384.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch, tổng cộng bị cáo Trần Văn K1 phải chịu 584.000 đồng án phí để sung ngân sách Nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn C đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 50, 58 và khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn C mức án khởi điểm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo, bị hại không ai có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin lỗi các bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản xác định hiện trường, phù hợp với lời khai của những bị hại; phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự và các tài liệu, chứng cứ khác có

trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 11/7/2024 tại khu vực thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Nông Văn C và Trần Văn K1 có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave α màu đen bạc, đã cũ gắn BKS 17F7-9813 có số khung, số máy, đặc điểm trùng với chiếc xe của chị Phạm Thị H, có giá trị là: 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Cùng ngày tại Km 66+200 thuộc thôn K, xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, biển kiểm soát 12Z1-094.49 của chị Choóng Thị L, có giá trị là 15.133.000 đồng (mười năm triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng), tổng giá trị tài sản Nông Văn C và Trần Văn K1 trộm cắp theo kết quả định giá tài sản có trị giá 18.733.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng). Do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Trong vụ án này có 02 bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nhưng không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà thuộc trường hợp đồng phạm có tính chất giản đơn, mỗi bị cáo có vai trò khác nhau trong vụ án, cụ thể: Bị cáo Nông Văn C là người rủ Trần Văn K1 đi sang khu vực tỉnh Lạng Sơn trộm cắp; chuẩn bị vạm phá khóa; trực tiếp trộm cắp và điều khiển cả 02 xe mô tô trộm cắp được để đưa đi tiêu thụ và cùng với Trần Văn K1 hưởng lợi như nhau nên xác định là người có vai trò chính. Bị cáo Trần Văn K1 khi được Nông Văn C rủ đã đồng ý cùng tham gia thực hiện hành vi trộm trực tiếp điều khiển xe mô tô chở Nông Văn C đi đến địa phận tỉnh Lạng Sơn để trộm cắp; cảnh giới cho Nông Văn C khi Nông Văn C thực hiện hành vi trộm cắp; đăng thông tin giao bán xe trên mạng xã hội và trực tiếp liên hệ bán xe trộm cắp; cùng hưởng lợi ngang nhau với Nông Văn C nên có vai trò tích cực. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đối với bị cáo Nông Văn C thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đối với Trần Văn K1 tái phạm nguy hiểm thuộc trường hợp nghiêm trọng xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người đã thành niên, có thể chất phát triển bình thường, có đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản người khác. Do vậy các bị cáo phải chịu hình phạt nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện.

[4] Về nhân thân: Đối với bị cáo Nông Văn C, tại Bản số 13/2015/HS-ST, ngày 07/3/2015 Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về Trộm tài sản, tuy bị cáo đã chấp hành xong các quyết định của Bản án nhưng không được coi là có nhân thân tốt. Đối với Trần Văn K1, tại Quyết xử phạt vi phạm hành chính số 38/QĐ-XPVPHC ngày 02/12/2015 bị Công an thành phố C, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi cất giấu trong người, phương tiện giao thông các loại công cụ, phương tiện dùng trong sinh hoạt nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích, đã chấp hành xong; tại Bản số 62/2009/HSST, ngày 08/4/2009 Tòa án nhân dân

thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội cưỡng tài sản; tại Bản số 159/2019/HSST, ngày 12/11/2019 Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội tàng trữ phép chất ma túy; tại Bản số 132/2021/HSST, ngày 28/9/2021 Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 27 tháng tù về tội tàng trữ phép chất ma túy đã xác định bị cáo Trần Văn K2 tái phạm nên bị cáo là người có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản cấu thành tội phạm độc lập, nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Văn K1 đã tái phạm chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, theo quy định phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Nhưng do đã áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm làm tình tiết định khung theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn K1.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nông Văn C là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc diện hộ cận nghèo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt, các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Nông Văn C có thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhưng các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 có 01 tình tiết tăng nặng theo khoản 01 Điều 52 Bộ luật Hình sự và các bị cáo đều có nhân thân xấu. Để đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung và giáo dục các bị cáo cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm minh cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Không áp dụng hình phạt bổ sung, vì qua xác minh các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 không có tài sản riêng, không có công việc và thu nhập ổn định để đảm bảo thi hành án.

[8] Về vật chứng: Cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước vật chứng là 01 (một) xe WAVE α , màu đen, bạc số khung: RLHHC1201BY594387, số máy HC12-E3394471, xe cũ đã qua sử dụng là tài sản của chị Phạm Thị H đã mất trộm trước đó nhưng nay chị Phạm Thị H không có nguyện vọng lấy lại tài sản và không đề nghị gì; tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) chiếc thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A17k, màu xám, số IMEI 1: 865947066008570, số IMEI 2: 865947066008562, điện thoại cũ đã qua sử dụng là điện thoại của Trần Văn K1 đã dùng đăng bán xe trên mạng xã hội. 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, màu xanh, cũ đã qua sử

dụng của bị cáo Nông Văn C không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[9] Đối với biển số xe 17F7-9813 là biển kiểm soát của chiếc xe mô tô của FUTURE màu xanh của ông Phạm Minh C2 đã bán chiếc xe mô tô cùng với biển kiểm soát này vào khoảng năm 2010 cho một người không nhớ tên, tuổi, địa chỉ nên không xác định được chủ sở hữu cơ quan điều tra đã được tách ra để truy tìm chủ sở hữu nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Ngoài giá trị tài sản bị trộm cắp là 15.133.000 đồng, bị hại Choóng Thị L còn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm chiều mũ bảo hiểm để ở xe bị trộm cắp với số tiền 250.000 đồng, các bị cáo nhất trí liên đới bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên cần công sự thỏa thuận của các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 liên đới bồi thường cho bị hại Choóng Thị L tổng số tiền 15.383.000 đồng, trong đó phần của mỗi bị cáo phải bồi thường là 7.691.500 đồng. Không xem xét giải quyết đối với bồi thường thiệt hại cho bị hại Phạm Thị H do không có nguyện vọng lấy lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường, khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và về mức hình phạt và các nội dung khác áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Lời đề nghị nào của người bào chữa phù hợp thì được chấp nhận, lời đề nghị nào không phù hợp thì không được chấp nhận.

[14] Các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nhưng bị cáo Nông Văn C là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa có đơn đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo Nông Văn C điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[15] Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo qui định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các Điều 38, 50; khoản 1 Điều 17 và 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn C;

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; các Điều 38, 50; khoản 1 Điều 17 và 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn K1;

Căn cứ vào các Điều 170, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a, c khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Nông Văn C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/7/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nông Văn C.

2.2 Xử phạt bị cáo Trần Văn K1 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/7/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn K1.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo Nông Văn C và Trần Văn K1 liên đới bồi thường cho bị hại Choóng Thị L tổng số tiền 15.383.000 đồng (mười năm triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng), trong đó phần của bị cáo Nông Văn C phải bồi thường là 7.691.500 (bảy triệu sáu trăm chín mươi một nghìn năm trăm) đồng; phần của bị cáo Trần Văn K1 phải bồi thường là 7.691.500 đồng (bảy triệu sáu trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) xe WAVE alpha, màu đen, bạc; xe không có biển kiểm soát; số khung: RLHHC1201BY594387, số máy HC12-E3394471, xe cũ đã qua sử dụng. Yếm bên trái bị vỡ, không có gương chiếu hậu bên phải, dây công tơ mét bị đứt, trong cốp xe không có tài sản gì, xe không có chìa khóa; 01 (một) Phong bì niêm phong, mặt trước có ghi chữ Điện thoại Trần Văn K1, mặt sau có chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong và hình con dấu của Cơ quan CSĐT – Công an huyện Đ. Bên trong có 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A17k, màu xám, số IMEI 1: 865947066008570, số IMEI 2: 865947066008562, điện thoại cũ đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn C 01 (một) Phong bì niêm phong, mặt trước có ghi chữ Điện thoại Nông Văn C, mặt sau có chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong và hình con dấu của Cơ quan CSĐT – Công an huyện Đ. Bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, màu xanh, cũ đã qua sử dụng.

(Các vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 13 tháng 11 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ với C3 Cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí:

Bị cáo Nông Văn C được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

Buộc bị cáo Trần Văn K1 phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 384.000 đồng (ba trăm tám mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch, tổng cộng bị cáo Trần Văn K1 phải chịu 584.000 đồng (năm trăm tám mươi tư nghìn đồng) án phí để sung ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; Bị hại; Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Chung